

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa người yêu cầu:

1. Ông **Huỳnh Thanh T** – sinh năm 1974

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 128, phường M, quận L, TP Đà Nẵng

2. Bà **Cao Thị N** – sinh năm 1982

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ vào Công văn số 310/TANDTC-PC ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn do Trung tâm hòa giải - đối thoại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng lập ngày 26 tháng 3 năm 2019;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 26 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa người yêu cầu:**

- Ông **Huỳnh Thanh T** – sinh năm 1974

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 128, phường M, quận L, TP Đà Nẵng

- Bà **Cao Thị N** – sinh năm 1982

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã D, huyện X, tỉnh Quảng Nam

*1.1 Về quan hệ hôn nhân:* Ông Huỳnh Thanh T và bà Cao Thị N thuận tình ly hôn.

*1.2 Về quan hệ con chung:* Ông Huỳnh Thanh T và bà Cao Thị N xác nhận có 02 con chung và thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao bà Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Huỳnh Thị Diệu V – sinh ngày 08.11.2004 và Huỳnh Thanh Tr – sinh ngày 05.9.2009.

Ông Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.500.000.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)/01 tháng (750.000 đồng/01 con/01 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4.2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung của các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*1.3 Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Huỳnh Thanh T và bà Cao Thị N xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Huỳnh Thanh T và bà Cao Thị N tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0006117 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Huỳnh Thanh T và bà Cao Thị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Xuân Hương**